TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/03/2024
V/v: "Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Văn Tài* – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS, ngày 26/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hùng L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà **Đoàn Thị T** , sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Đ xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng L trình bày:

Ông Nguyễn Hùng L và bà Đoàn Thị T kết hôn vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và sống không hạnh phúc vì vậy vợ chồng đã ly thân cho đến nay không hàn gắn lại được. Trong thời gian chung sống vợ chồng vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hùng S , sinh ngày 01/01/1996 hiện đã trưởng thành. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa ông và bà T không phải là vợ chồng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng L và bà Đoàn Thị T đã có đơn xin vắng mặt gửi Tòa án để xin Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra tại đơn xin yêu cầu

xét xử vắng mặt gửi Toà án bà T có ý kiến như sau: Về hôn nhân bà T đồng ý ly hôn với ông L, về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa ông L với bà T không phải là vợ chồng, về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng*:* Do nguyên đơn ông L và bà T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và bà T theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- *Về hôn nhân*:

Ông Nguyễn Hùng L và bà Đoàn Thị T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng ông bà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi đám cưới thì vợ chồng sống với nhau được một thời gian đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và sống không hạnh phúc, lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Vì vậy nay ông L yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông L và bà T không có đăng ký kết hôn và nay xảy ra tranh chấp thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định "nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Nay ông L có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà T, theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, 16 của luật này".*

Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì về quan hệ hôn nhân, Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hùng L và bà Đoàn Thị T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông L và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hùng S, sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét.

- Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Tuyên bố quan hệ giữa ông Nguyễn Hùng L và bà Đoàn Thị T không phải là vợ chồng.

- *Về con chung*: Con chung là cháu Nguyễn Hùng S, sinh năm 1996 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nguyễn Hùng L phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000199, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, như vậy ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải